TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/ HNGĐ -ST
Ngày: 09/04/2021
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Khánh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Hợp

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thủy Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Chu Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 04 năm 2021 Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 433/2020/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Dương Thị T** - Sinh năm 1976

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm L, xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: **Anh Phan Văn B** - Sinh năm 1978

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm La, xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

(Các bên đương sự có mặt chị T, vắng mặt anh B)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và lời khai nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày: Tôi kết hôn với Phan Văn B vào năm 1999, trước khi kết hôn chúng tôi có được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Sau ngày cưới tôi về nhà anh B ở ngay không mang theo tài sản gì ngoài đồ dùng cá nhân. Vợ chồng ở chung cùng gia đình nhà bố, mẹ anh B một thời gian thì được gia đình cho ra ăn riêng, ở riêng để tạo dựng cuộc sống. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh anh B ngoại tình, không chăm lo cho gia đình, tôi đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh B không

nghe dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn với nhau. Tôi và anh Bằng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Bằng.

Về con chung: Tôi và anh B có 01 con chung Dương Thị H, sinh ngày 21/11/2005. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi và anh B tự thỏa thuận, không tranh chấp, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Không có

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Đại Từ đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho phía bị đơn anh Phan Văn B và triệu tập anh B đến Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn. Anh B có đến Tòa án theo thông báo tuy nhiên anh B từ chối làm tự khai và không nhất trí để Tòa án lấy lời khai và xác định việc chị T ly hôn là tùy chị T, anh B không có ý kiến gì và xác định không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh B vắng mặt, nên phải đưa vụ án ra xét xử tại phiên toà công khai ngày hôm nay.

Tại phiên toà đại diện VKSND huyện Đại Từ phát biểu: Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã giải quyết vụ án theo trình tự do pháp luật quy định.

Đề nghị HĐXX tuyên xử theo hướng cho chị Dương Thị T được ly hôn với anh Phan Văn B. Giao con chung Dương Thị H, sinh ngày 21/11/2005 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T không đề nghị nên không xem xét. Về tài sản chung: Chị T không đề nghị tòa án giải quyết, nợ chung: Chị T xác định không có nợ ai, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định cuộc hôn nhân giữa chị Dương Thị T và anh Phan Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân theo chị T trình bày do anh B ngoại tình, chị T đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh B không thay đổi, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Chị T và anh B đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn, phía anh B không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh B đã đến mức trầm trọng, thực tế hôn nhân không còn tồn tại, chị T và anh B đã sống ly thân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được nên cần áp dụng điều 51, 56 luật hôn nhân gia đình cho chị T được ly hôn anh B là phù hợp.

Về con chung: Theo chị T xác định chị T và anh B có 01 con chung Dương Thị H, sinh ngày 21/11/2005. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con chung đến khi con trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh B không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ vào điều kiện thực tế của chị T có nguyện vọng được nuôi con chung, cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T được ly hôn anh Phan Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương Thị H, sinh ngày 25/11/2005 cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Chị T được trừ 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013696 ngày 29/12/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị T biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận, hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND xã Hoàng Nông;
- L- u hồ sơ.
- Lưu VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN DUY KHÁNH